

Số: 38 /2023/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 18 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố Trung ương;

Theo đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2055/TTr-SNV ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Công văn số 2443/SNV-TCBC&TCPCP ngày 11 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2023 và bãi bỏ 26 Quyết định liên quan của Ủy ban nhân dân thành phố.

(có Danh mục kèm theo)

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *N.V.T*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Báo HP, Đài PT&TH HP, Công TTĐT TP;
- Công báo TP;
- VP BCSD UBND TP;
- Các Phòng CV, HC&TC;
- CV: KSTTHC3;
- Lưu: VT. *N.V.T*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước,
đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố**
(Kèm theo Quyết định số: 38 /2023/QĐ-UBND ngày 18/10/2023
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý Chi cục và tương đương thuộc sở, phòng và tương đương thuộc sở, phòng thuộc Chi cục và tương đương thuộc sở, phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và tương đương.

2. Các nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các chức danh công chức lãnh đạo, quản lý quy định tại Điều 1 Quy định này gồm:

a) Chi cục trưởng, Trưởng Ban thuộc Sở; Trưởng phòng, Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra thuộc Sở, Ban, ngành thành phố; Phó Trưởng ban Ban Tiếp công dân thành phố (sau đây gọi chung là Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở);

b) Phó Chi cục trưởng, Phó Trưởng Ban thuộc Sở; Phó Trưởng phòng, Phó Chánh Văn phòng, Phó Chánh Thanh tra thuộc Sở, Ban, ngành thành phố (sau đây gọi chung là Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở);

c) Trưởng phòng thuộc các Ban, Chi cục trực thuộc Sở (bao gồm cả Hạt trưởng, Đội trưởng, Trạm trưởng thuộc các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Đội trưởng thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Thanh tra Sở Xây dựng, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi chung là Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục thuộc Sở);

d) Phó Trưởng phòng thuộc các Ban, Chi cục trực thuộc Sở (bao gồm cả Phó Hạt trưởng, Phó Đội trưởng, Phó Trạm trưởng thuộc các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Đội phó thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Thanh tra Sở Xây dựng, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi chung là Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục thuộc Sở);

đ) Trưởng phòng, Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện);

e) Phó Trưởng phòng, Phó Chánh Văn phòng, Phó Chánh Thanh tra thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Các chức danh viên chức quản lý quy định tại Điều 1 Quy định này gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (trừ chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý).

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành (trừ chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý).

3. Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét bổ nhiệm các chức danh nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các cá nhân, cơ quan, đơn vị có liên quan.

4. Các chức danh viên chức quản lý khác không quy định tại khoản 2 Điều này thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm có trách nhiệm quy định tiêu chuẩn cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định của Đảng, pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Tiêu chuẩn trong Quy định này là cơ sở để các cơ quan, đơn vị thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý theo phân cấp quản lý; đồng thời làm cơ sở để công chức, viên chức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng, phấn đấu, hoàn thiện các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

2. Cán bộ, công chức, viên chức khi được xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phải đảm bảo các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh theo Quy định này và các quy định của Đảng, pháp luật hiện hành khác có liên quan.

3. Trường hợp điều động, bổ nhiệm viên chức ở đơn vị sự nghiệp công lập giữ chức vụ công chức lãnh đạo, quản lý thì viên chức được điều động và bổ nhiệm phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn trong Quy định này đồng thời đáp ứng đủ tiêu chuẩn của pháp luật về công chức.

Điều 4. Tiêu chuẩn chung

1. Chính trị, tư tưởng

a) Trung thành với lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng.

b) Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trong bất cứ tình huống nào, kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

c) Có tinh thần yêu nước, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân; sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

d) Chấp hành nghiêm sự phân công của cơ quan, tổ chức và giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn theo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng.

2. Đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật

a) Có phẩm chất đạo đức trong sáng, mẫu mực; lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư và vì nhân dân phục vụ; bản thân không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi, không tham vọng quyền lực, không háo danh; không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

b) Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; gương mẫu, cần cù, chịu khó, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ.

c) Có tinh thần đoàn kết, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; hợp tác, trọng dụng người tài, hướng dẫn, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công chức, viên chức, người lao động; được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tin tưởng, tin nhiệm.

d) Tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm.

đ) Tuân thủ và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; thực hiện các quy định, quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị và địa phương nơi công tác; báo cáo đầy đủ, trung thực với cấp trên; cung cấp thông tin chính xác, khách quan; thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập theo quy định.

e) Có tư duy đổi mới, có phương pháp làm việc khoa học; có năng lực tổng hợp, phân tích; có năng lực thực tiễn, nắm chắc và hiểu biết cơ bản tình hình thực tế để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công; cần cù, chịu khó, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và vì nhân dân phục vụ; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo; gương mẫu, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tin tưởng, tin nhiệm.

3. Trình độ:

a) Trình độ chuyên môn: Có trình độ đại học trở lên về chuyên môn phù hợp với chức danh, lĩnh vực phụ trách theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Trình độ lý luận chính trị: Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên của cơ quan có thẩm quyền.

c) Trình độ ngoại ngữ, tin học phù hợp theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Ngạch công chức/ chức danh nghề nghiệp viên chức: Giữ ngạch chuyên viên hoặc chức danh nghề nghiệp hạng III trở lên.

5. Kinh nghiệm công tác: Đã kinh qua và hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của chức danh lãnh đạo, quản lý cấp dưới trực tiếp (trừ trường hợp không có cấp dưới trực tiếp); có kinh nghiệm thực tiễn trong ngành, lĩnh vực được bổ nhiệm.

6. Tiêu chuẩn khác:

a) Công chức, viên chức được bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Trường hợp bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn thì phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 02 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trong 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm bổ nhiệm đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Chương II

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Điều 5. Tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng và tương đương, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở

Đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 và tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở: Có ít nhất 02 năm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở hoặc đã có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với tổ chức không có đơn vị trực thuộc. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở: Đã có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 6. Tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng và tương đương, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục thuộc Sở

Đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 và tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục thuộc Sở: Có ít nhất 02 năm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục trực thuộc Sở hoặc đã có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với tổ chức không có đơn vị trực thuộc. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục và tương đương thuộc Sở: Đã có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 7. Tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng và tương đương, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 và tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có ít nhất 02 năm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc đã có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với tổ chức không có đơn vị trực thuộc. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Đã có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

Chương III

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC QUẢN LÝ

Điều 8. Tiêu chuẩn chức danh Chủ tịch Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng trường, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 và tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Có bằng cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị, cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận tương đương trình độ cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình độ quản lý nhà nước: Có trình độ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở lên.

3. Trình độ, kinh nghiệm công tác:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc các Ban Quản lý dự án; Giám đốc Vườn Quốc gia Cát Bà: Có ít nhất 02 năm giữ chức vụ cấp phó đơn vị hoặc cấp phó cơ quan, đơn vị tương đương trong ngành, lĩnh vực.

b) Giám đốc Nhà xuất bản Hải Phòng:

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản.

- Kinh nghiệm công tác: Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản ít nhất 2 năm. Trường hợp đặc biệt, do cơ quan chỉ đạo xuất bản xem xét, quyết định.

c) Tổng biên tập Nhà xuất bản Hải Phòng:

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản; có chứng chỉ hành nghề biên tập.

- Kinh nghiệm công tác: Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản ít nhất 2 năm. Trường hợp đặc biệt, do cơ quan chỉ đạo xuất bản xem xét, quyết định.

d) Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng: Có trình độ thạc sĩ trở lên, đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp; có ít nhất 05 năm làm công tác giảng dạy hoặc tham gia quản lý giáo dục nghề nghiệp.

Điều 9. Tiêu chuẩn chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 và tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Trình độ quản lý nhà nước: Có trình độ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở lên.

2. Trình độ, kinh nghiệm công tác:

a) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Giám đốc các Ban Quản lý dự án; Phó Giám đốc Vườn Quốc gia Cát Bà: Có ít nhất 02 năm giữ chức vụ Trưởng phòng hoặc chức vụ tương đương trong ngành, lĩnh vực.

b) Phó Giám đốc, Phó Tổng biên tập Nhà xuất bản Hải Phòng: Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản; có thời gian hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản ít nhất 2 năm. Trường hợp đặc biệt, do cơ quan chỉ đạo xuất bản xem xét, quyết định.

c) Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng: Thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

d) Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng: Có ít nhất 03 năm làm công tác giảng dạy hoặc tham gia quản lý giáo dục nghề nghiệp và có năng lực quản lý. Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo thì tiêu chuẩn như tiêu chuẩn đối với Hiệu trưởng.

Điều 10. Tiêu chuẩn chức danh Chủ tịch Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành

Đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 và tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

a) Hiệu trưởng trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông: Có trình độ đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên trung học phổ thông hoặc có trình độ đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục; đã dạy học ít nhất 5 năm ở cấp trung học phổ thông; đạt tiêu chuẩn tại Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

b) Hiệu trưởng trường trung học phổ thông chuyên: Đáp ứng tiêu chuẩn hiệu trưởng trường trung học phổ thông và đáp ứng tiêu chuẩn quy định về lựa chọn cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán, trong đó tiêu chí về sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin đạt mức tốt.

c) Hiệu trưởng trường khuyết tật: Có trình độ đại học sư phạm hoặc trình độ đại học trở lên và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có chứng chỉ bồi dưỡng giáo dục khuyết tật; có ít nhất 5 năm công tác trong ngành giáo dục.

d) Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố: Có trình độ đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên hoặc có trình độ đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục; có kinh nghiệm công tác trong ngành giáo dục ít nhất 5 năm.

đ) Giám đốc Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp và bồi dưỡng nhà giáo: Đã công tác trong ngành giáo dục ít nhất 05 năm.

e) Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp giao thông vận tải Hải Phòng: Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp; có thời gian từ đủ 02 năm trở lên giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp hoặc chức vụ tương đương; Trưởng phòng chuyên môn thuộc cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có) hoặc chức vụ tương đương.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Y tế:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc đơn vị sự nghiệp xếp hạng đặc biệt, hạng I:

- Có bằng bác sĩ và bằng bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc bằng tiến sĩ chuyên ngành y tế. Đối với Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm: Có bằng dược sĩ chuyên khoa cấp II hoặc bằng tiến sĩ chuyên ngành dược.

- Có chứng chỉ quản lý bệnh viện đối với các đơn vị thực hiện chức năng khám, chữa bệnh.

- Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm công tác về lĩnh vực chuyên môn được giao; đã có thời gian giữ chức vụ Phó Giám đốc bệnh viện hoặc trung tâm cùng hạng hoặc chức danh tương đương ít nhất từ 02 năm trở lên hoặc đã giữ chức vụ Trưởng khoa, phòng và tương đương ít nhất 05 năm trở lên.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc các đơn vị sự nghiệp xếp hạng II, hạng III, hạng IV và không phân hạng:

- Có bằng bác sĩ và bằng sau đại học chuyên ngành y tế. Đối với Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm: Có bằng đại học và sau đại học chuyên ngành dược.

- Có chứng chỉ quản lý bệnh viện đối với các đơn vị thực hiện chức năng khám, chữa bệnh.

- Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm công tác về lĩnh vực chuyên môn được giao; đã có thời gian giữ chức vụ Phó Giám đốc bệnh viện hoặc trung tâm cùng hạng hoặc chức danh tương đương ít nhất từ 02 năm trở lên hoặc đã giữ chức vụ Trưởng khoa, phòng và tương đương ít nhất 05 năm.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Tư pháp:

a) Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản: Phải là Đấu giá viên; có thời gian từ đủ 02 năm trở lên giữ chức vụ cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc chức vụ tương đương; Trưởng phòng chuyên môn thuộc cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có) hoặc chức vụ tương đương.

b) Trưởng Phòng công chứng: Phải là Công chứng viên; có thời gian từ đủ 02 năm trở lên giữ chức vụ cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc chức vụ tương đương; Trưởng phòng chuyên môn thuộc cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có) hoặc chức vụ tương đương.

c) Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý: Có ít nhất 03 năm là Trợ giúp viên pháp lý hoặc thẩm phán hoặc kiểm sát viên, điều tra viên trung cấp trở lên hoặc có 05 năm làm công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý trong ngành Tư pháp.

4. Đối với đơn vị sự nghiệp khác: Có thời gian từ đủ 02 năm trở lên giữ chức vụ cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc chức vụ tương đương; Trưởng phòng chuyên môn thuộc cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có) hoặc chức vụ tương đương.

Điều 11. Tiêu chuẩn chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành

Đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 và tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp:

a) Phó Hiệu trưởng trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông: Có trình độ đại học thuộc

ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên trung học phổ thông hoặc có trình độ đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục trở lên; đã dạy học ít nhất 5 năm ở cấp trung học phổ thông; đạt tiêu chuẩn tại Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

b) Phó Hiệu trưởng trường trung học phổ thông chuyên: Đáp ứng tiêu chuẩn hiệu trưởng trường trung học phổ thông và đáp ứng tiêu chuẩn quy định về lựa chọn cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán, trong đó tiêu chí về sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin đạt mức tốt.

c) Phó Hiệu trưởng trường khuyết tật: Có trình độ đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên hoặc có trình độ đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có chứng chỉ bồi dưỡng giáo dục khuyết tật; có ít nhất 5 năm công tác trong ngành giáo dục.

d) Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố: Có trình độ đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên hoặc có trình độ đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có kinh nghiệm công tác trong ngành giáo dục ít nhất 3 năm.

đ) Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp và bồi dưỡng nhà giáo: Đã công tác trong ngành giáo dục ít nhất 05 năm.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế (trừ Trung tâm Y tế quân dân y Bạch Long Vĩ):

Có trình độ sau đại học về chuyên môn phù hợp với chức danh, lĩnh vực phụ trách theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp khác: Có thời gian từ đủ 02 năm trở lên giữ chức vụ Trưởng phòng của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc chức vụ tương đương; Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có) hoặc chức vụ tương đương.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ quy định này để thực hiện công tác cán bộ đối với công chức, viên chức.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, địa phương, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
DO ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BAN HÀNH BỊ BÃI BỎ**

*(Kèm theo Quyết định số 38 /2023/QĐ-UBND ngày 18 /10 /2023
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

1. Quyết định số 2853/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện chức danh lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện tại thành phố Hải Phòng.

2. Quyết định số 2947/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó Trưởng phòng chuyên môn; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Quyết định số 2949/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 2949/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện thuộc thành phố Hải Phòng.

6. Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ một phần Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị giáo dục công lập trực thuộc Sở giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện

thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

8. Quyết định số 1319/2016/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

9. Quyết định số 1563/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Thanh tra thành phố, Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quận, huyện, sở, ngành thành phố Hải Phòng.

10. Quyết định số 2593/2016/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng.

11. Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2593/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

12. Quyết định số 3231/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và Người đứng đầu, Cấp phó người đứng đầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Phòng.

13. Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng và người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 3231/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.

14. Quyết định số 1878/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tài chính; Trưởng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

15. Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện chức danh Trưởng, phó các đơn vị thuộc Sở Tài chính, Trưởng, phó trưởng phòng Tài chính - kế hoạch thuộc UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải

Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1878/2016/QĐ-UBND ngày 8/9/2016 của UBND thành phố.

16. Quyết định số 322/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng Kinh tế, Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện

17. Quyết định số 403/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Xây dựng; Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận.

18. Quyết định số 1283/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng.

19. Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn thuộc Sở Du lịch

20. Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

21. Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc UBND huyện tại thành phố Hải Phòng.

22. Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng UBND thành phố, Chánh Văn phòng, phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

23. Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn và tương đương, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

24. Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ

quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng.

25. Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý các phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện thuộc thành phố Hải Phòng.

26. Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại thành phố Hải Phòng.